

**KHÓA ĐỊNH LOẠI CÁC CHI  
THUỘC HỌ ĐỔ QUYÊN (ERICACEAE Juss.) Ở VIỆT NAM**

**NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**  
*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Ở Việt Nam, nghiên cứu phân loại họ Đỗ quyên (Ericaceae Juss. ) từ trước đến nay đáng chú ý nhất là công trình của Paul Dop (1930) trong “Thực vật chí đại cương Đông Dương” (Flore General de L’Indo-chine). Tác giả đã lập khóa định loại và mô tả 9 chi, 54 loài ở Đông Dương, trong đó Việt Nam có 9 chi và 42 loài. Tuy nhiên ông xếp các chi Agapetes và Vaccinium thành họ Vacciniaceae. Sau công trình này, còn có một số công trình nghiên cứu phân loại họ Đỗ quyên ở Việt Nam, như trong “Cây cỏ thường thấy ở Việt Nam” của Lê Khả Kế và cộng sự (1971), các tác giả đã lập khóa định loại 3 chi, 3 loài. Phạm Hoàng Hộ (1972) trong “Cây cỏ miền Nam Việt Nam” cũng lập khóa định loại và mô tả ngắn gọn 7 chi với 31 loài. Cũng tác giả này, năm 1991, trong “Cây cỏ Việt Nam”, lập khóa định loại và mô tả 11 chi với 75 loài. Công trình này được xuất bản lại vào năm 1999 và năm 2000, tác giả đã sửa chữa và bổ sung khá nhiều, đưa tổng số chi và loài của họ Đỗ quyên ở Việt Nam lên 12 chi và 88 loài. Bên cạnh đó, còn có một số công trình nghiên cứu khác về họ Đỗ quyên, nhưng chỉ ở mức độ nghiên cứu sơ sài, mang tính chất thống kê, chưa đề cập nhiều đến thay đổi về danh pháp của các taxon.

Trong quá trình nghiên cứu họ Đỗ quyên ở Việt Nam, chúng tôi đã xác định được hiện nay họ Đỗ quyên ở Việt Nam có 12 chi với khoảng 93 loài. Trên cơ sở đó, chúng tôi tiến hành xây dựng khóa định loại các chi thuộc họ Đỗ quyên có ở Việt Nam.

**I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**1. Đối tượng nghiên cứu:** Là các loài trong tự nhiên (mẫu tươi sống), các tiêu bản khô của họ Đỗ quyên ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài được lưu giữ tại các phòng tiêu bản của các viện nghiên cứu và trường Đại học như Phòng Tiêu bản thực vật, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (HNU); Bảo tàng thực vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN); Phòng thực vật, Viện Sinh học nhiệt đới Tp. Hồ Chí Minh (VMN); Phòng tiêu bản, Viện Dược liệu, Bộ Y tế (HNPM); Phòng tiêu bản, Đại học Dược Hà Nội (HNPI); Phòng tiêu bản thực vật, Viện Thực vật Côn Minh - Trung Quốc (KUN),....

**2. Phương pháp nghiên cứu:** Chúng tôi sử dụng phương pháp hình thái so sánh để nghiên cứu đặc điểm các chi thuộc họ Đỗ quyên ở Việt Nam. Khóa định loại được xây dựng theo kiểu khóa lưỡng phân.

**II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Khóa định loại các chi thuộc họ Đỗ quyên (Ericaceae Juss. ) ở Việt Nam**

- 1A. Cây thân gỗ hoặc bụi, có diệp lục, chủ yếu tự dưỡng, đôi khi phụ sinh; lá có phiến cứng; tràng luôn dính với nhau, sớm rụng
- 2A. Chồi đông tồn tại; ống tràng to; bao phấn không có râu; bầu thượng, 5-14(20) ô; quả nang mở theo van hay cắt vách ..... **1. Rhododendron**
- 2B. Chồi đông hiếm khi tồn tại; ống tràng nhỏ; bao phấn thường có râu hay không có râu; bầu thượng hoặc hạ, 3-10 ô; quả mọng

- 3A. Bầu thượng, quả nang hay mọng; bao phần không kéo dài ở đỉnh
- 4A. Bao phần có râu ở đỉnh hoặc ở lưng
- 5A. Bao phần có 2- 4 râu ở đỉnh
- 6A. Lá mọc cách hay gần như đối, tập trung ở đầu cành; đài không đồng trường; bao phần có 2 râu ở đỉnh
- 7A. Lá mọc cách trên cành; cụm hoa chùy; bao phần mở bằng lỗ ở đỉnh; quả mọng, tròn ..... **2. Arbutus**
- 7B. Lá mọc cách hay gần như đối tập trung ở đầu cành; cụm hoa tán hay ngù; bao phần mở bằng khe nứt ở đỉnh; quả nang 5 cạnh ..... **3. Enkianthus**
- 6B. Lá chỉ mọc cách rải rác trên cành, không tập trung ở đầu cành; đài đồng trường và bọc lấy quả nang; bao phần có 4 râu ở đỉnh.
- 8A. Chỉ nhị thẳng và dẹt ở gốc; bao phần thuôn cụt đầu; quả nang được bao bởi các thùy đài không nạc ..... **7. Leucothoe**
- 8B. Chỉ nhị thẳng phình rộng ở gốc; bao phần thuôn kéo dài ở đỉnh; quả nang được bao bọc bằng các thùy đài nạc ..... **8. Gaultheria**
- 5B. Bao phần có 2 râu ở lưng ..... **6. Pieris**
- 4B. Bao phần không có râu ở đỉnh hoặc lưng
- 9A. Cụm hoa chùy hay chùm; chỉ nhị uốn cong hay gấp khúc ở phần trên; đài không nạc và không bọc lấy quả nang.
- 10A. Cụm hoa chùy ở nách lá hay đầu cành; chỉ nhị không có cựa ở phần trên, phình to ở gốc; hạt hình trứng rộng, một bên có cánh ..... **4. Craibiodendron**
- 10B. Cụm hoa chùm đơn ở nách lá; chỉ nhị có hai cựa ở phần trên, không phình to ở gốc; hạt hình suốt chỉ, không cánh ..... **5. Lyonia**
- 9B. Cụm hoa đơn độc hay hiếm khi chùm; chỉ nhị không uốn cong hay gấp khúc (thẳng) ở phần trên; đài nạc bọc lấy quả nang ..... **9. Diplycosia**
- 3B. Bầu hạ, quả mọng; bao phần kéo dài ở đỉnh tạo thành ống dài
- 11A. Ống tràng hình lọ hay chuông rộng, triển tuyến mật lồi, hiếm khi có thùy; cây bụi tự dưỡng hoặc đôi khi phụ sinh, không có thân phình to ở gốc ..... **10. Vaccinium**
- 11B. Ống tràng hình trụ hay chuông dài, triển tuyến mật nguyên hay có thùy; cây bụi thường phụ sinh, có thân phình to ở gốc ..... **11. Agapetes**
- 1B. Cây thân cỏ, mập nước, không diệp lục, hoại sinh; lá mềm, tiêu giảm thành vảy; tràng tự do, tồn tại lâu ..... **12. Monotropastrum**

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiên Bản (Chủ biên), 2003: *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, 2: 437-449.
2. Dop P. in Lecomte, 1930: *Flore Générale de L'Indochine*, Paris, tome, 698-746.
3. Phạm Hoàng Hộ, 1972: *Cây cỏ miền Nam Việt Nam*, 2: 25-34.

4. **Phạm Hoàng Hộ**, 1991: *Cây ở Việt Nam*, NXB. Mekong, Santa Ana/Montreal, 1: 769-794.
5. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999: *Cây cỏ Việt Nam*, NXB. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1: 609-629.
6. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000: *Cây cỏ Việt Nam*, NXB. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 3: 973-974.
7. **Lê Khả Kế (Chủ biên)**, 1971: *Cây cỏ thường thấy ở Việt Nam*, NXB. KH & KT, Hà Nội, 2: 19-22.
8. **Wu C. Y., P. R. Raven** (Edit.), 2005: *Flora of China*, Science Press, Beijing, 14: 260-455.

**KEY TO THE GENERA OF THE FAMILY  
ERICACEAE (Juss.) IN VIETNAM**

**NGUYEN THI THANH HUONG**

**SUMMARY**

Among the publications on taxonomy of the family Ericaceae (Juss.) in Vietnam, the most significant is “Flore General de L’Indo-chine” (Paul Dop, 1930). The author introduced key and described 9 genera, 54 species in Indochina, including 9 genera, 42 species in Vietnam. Other document on Ericaceae in Vietnam such as Le Kha Ke *et al.*, 1971, has showed the key with description of 3 genera, 3 species. In addition, Pham Hoang Ho (1972) also recorded the key with short description of 7 genera, 31 species and supplemented to 11 genera and 75 species in 1991. In 1999, this document was republished with correction and increase in total of 12 genera including 88 species. However, in that documents have incorreceted some scientific name of species.

Up to now, 12 genera and 93 species of family Ericaceae (Juss.) in Vietnam have described and the final key will be showed in this paper.